

Số: /2022/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2022

DỰ THẢO 2

**THÔNG TƯ****Quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác  
thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết về chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bao gồm: Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo; kỳ báo cáo, thời gian lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo; hình thức và phương thức gửi báo cáo; nội dung báo cáo và việc chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo.

**2. Đối tượng áp dụng**

Chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được áp dụng đối với:

a) Các cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 39 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc

đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm: Công an nhân dân; Bộ đội biên phòng; Cảnh sát biển; Hải quan; Kiểm ngư; Thuế; Quản lý thị trường; Cơ quan thi hành án dân sự; Kho bạc Nhà nước; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước; tổ chức Thống kê tập trung; Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện và các tổ chức khác thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc theo quy định của pháp luật.

## **Điều 2. Mẫu Đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo**

Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục về Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gồm:

1. Mẫu số 1 là Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về xử phạt vi phạm hành chính;
2. Mẫu số 2 là Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

## **Điều 3. Kỳ báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo**

1. Kỳ báo cáo: Định kỳ hằng năm.
2. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.
3. Thời hạn gửi báo cáo:
  - a) Bộ Tư pháp có trách nhiệm báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi cả nước chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo.
  - b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo đến Bộ Tư pháp chậm nhất vào ngày 21 tháng 12 của kỳ báo cáo.
  - c) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cấp trên trực tiếp.

## **Điều 4. Hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo**

1. Báo cáo được thể hiện bằng một trong các hình thức sau:
  - a) Báo cáo bằng văn bản (là bản có chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ quan báo cáo và đóng dấu phát hành theo quy định) và gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai.

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử có chữ ký số.

2. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Gửi qua fax;

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử dưới dạng tệp ảnh (định dạng PDF) hoặc văn bản điện tử có ký số;

đ) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Nội dung báo cáo**

1. Cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung trong Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

2. Các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo đồng thời, đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung trong Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo quy định tại Điều 2 của Thông tư này đến cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và Ủy ban nhân dân cùng cấp nơi tổ chức thuộc cơ quan Trung ương đóng trụ sở.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ số liệu báo cáo của các đơn vị trực thuộc vào báo cáo gửi về Bộ Tư pháp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp không tổng hợp số liệu báo cáo của các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn vào báo cáo gửi đến cơ quan nhận báo cáo.

### **Điều 6. Chinh lý, bổ sung báo cáo**

1. Trường hợp phải chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo, cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo đã được chỉnh lý, bổ sung, kèm theo văn bản giải trình rõ về việc chỉnh lý, bổ sung và phải có chữ ký xác nhận, đóng dấu.

2. Trường hợp tự ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung báo cáo, số liệu trong báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo kèm theo thì báo cáo, biểu mẫu đó không có giá trị báo cáo.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022, thay thế Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

## **Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo, kịp thời tổng hợp để gửi Bộ Tư pháp theo đúng nội dung, thời hạn quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp (qua Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

### ***Nơi nhận:***

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Văn phòng Bộ, Vụ CVĐCVXDPL; Thanh tra Bộ, TCTHADS, Cục BTTP, Cục HTQTCT; Cục KTVBQPPL;
- UBND, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đặng Hoàng Oanh**